

Nguyễn Đức Anh, CFA

Chuyên viên phân tích

Anh2.NguyenDuc@mbs.com.vn**Hoàng Công Tuấn**

Trưởng bộ phận kinh tế

Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

NHNN tiếp tục hút ròng gần 34 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống trong nửa cuối tháng 2. Lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ trong cùng kỳ. Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng nhẹ do diễn biến xấu đi của dịch Covid-19. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm do nhà đầu tư tìm kiếm các kênh trú ẩn an toàn. Khối ngoại quay đầu bán ròng 1.712 tỷ đồng TPCP trong tháng 2 sau khi mua ròng 733 tỷ đồng trong tháng 1.

Thị Trường Tiền Tệ

Tuy NHNN vẫn thực hiện hút ròng 34 nghìn tỷ đồng qua kênh tín phiếu trong nửa cuối tháng 2, lượng hút ròng đang giảm dần so với nửa đầu tháng và NHNN cũng bơm ngược lại 21 tỷ đồng qua kênh repo kỳ hạn 7 ngày. Đồng thời, lãi suất liên ngân hàng cũng tăng nhẹ so với giữa tháng 2.

Thanh khoản trong hệ thống ngân hàng tuy vẫn còn tương đối dồi dào nhưng đã có một số dấu hiệu nhu cầu thanh khoản gia tăng ở một số ngân hàng. Trong nửa cuối tháng 2, NHNN đã hút ròng 34 nghìn tỷ đồng qua kênh tín phiếu kỳ hạn 91 ngày, bằng gần một nửa so với lượng hút ròng 61 nghìn tỷ đồng trong nửa đầu tháng. Đồng thời, NHNN cũng bơm trở lại 21 tỷ đồng qua kênh repo kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4%/năm. Tổng cộng, trong tháng 2, NHNN đã hút ròng 95 nghìn tỷ đồng ra khỏi hệ thống, gấp gần 4 lần so với số hút ròng trong tháng 1 là 25 nghìn tỷ đồng.

Do NHNN đã hút ròng lượng tiền tương đối lớn, lãi suất liên ngân hàng đã tăng nhẹ trở lại. Lãi suất qua đêm tăng 10 điểm cơ bản từ giữa tháng 2, lên 2%/năm. Lãi suất các kỳ hạn 1 tháng cũng tăng 13 điểm cơ bản lên mức 2,97%/năm.

Tỷ giá USD/VND trên thị trường tự do tăng 50 đồng/USD. Tuy nhiên tỷ giá liên ngân hàng lại đi ngang.

Thuật ngữ viết tắt:

TPCP: Trái phiếu chính phủ

NSNN: Ngân sách nhà nước

NHNN: Ngân hàng nhà nước

NHTM: Ngân hàng thương mại

KBNN: Kho bạc nhà nước

GTGD: Giá trị giao dịch

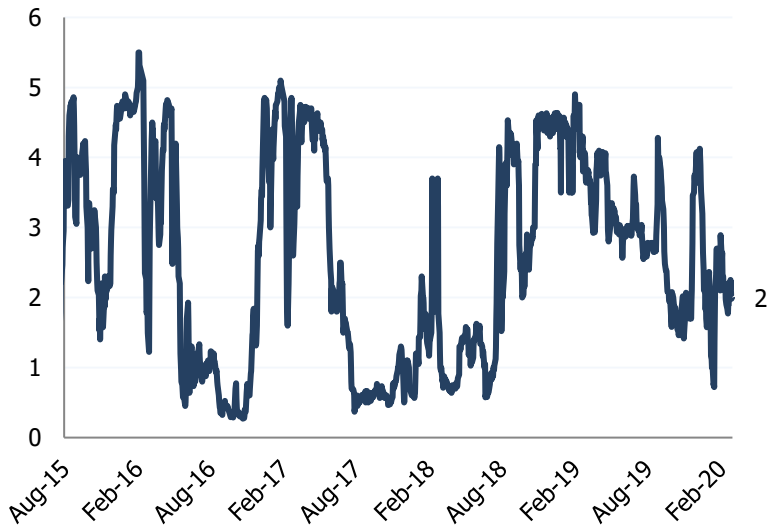
NĐTNN: Nhà đầu tư nước ngoài

TCTD: Tổ chức tín dụng

LSTC: Lãi suất tham chiếu

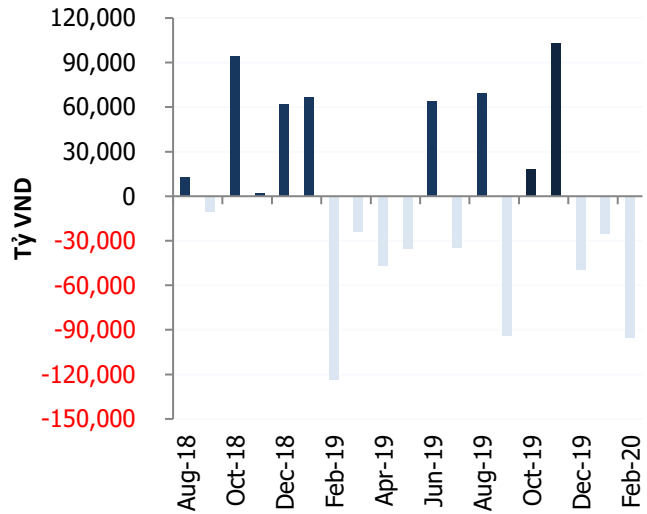
Diễn biến xấu đi của dịch Covid-19 khiến nhà đầu tư tiếp tục tìm đến đồng USD làm nơi trú ẩn an toàn khiến đồng USD tiếp tục tăng giá. Tỷ giá USD/VND cũng đang trong đà tăng nhưng vẫn là một trong những đồng tiền ổn định nhất khu vực. Tỷ giá USD/VND trung tâm có lúc tăng 30 đồng từ giữa tháng 2 lên tới 23.245 đồng/USD nhưng đã kịp hạ nhiệt về mức 23.224 đồng/USD. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 50 đồng tương đương 0,2% lên mức 23.260 đồng/USD. Trái lại, tỷ giá liên ngân hàng lại đi ngang trong kỳ, kết thúc tháng 2 giảm 5 đồng/USD so với giữa tháng 2 về mức 23.241 đồng/USD.

Hình 1. Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)



Nguồn: Bloomberg.

Hình 2. Thanh khoản thị trường mở (Bơm Ròng)



Nguồn: NHNN.

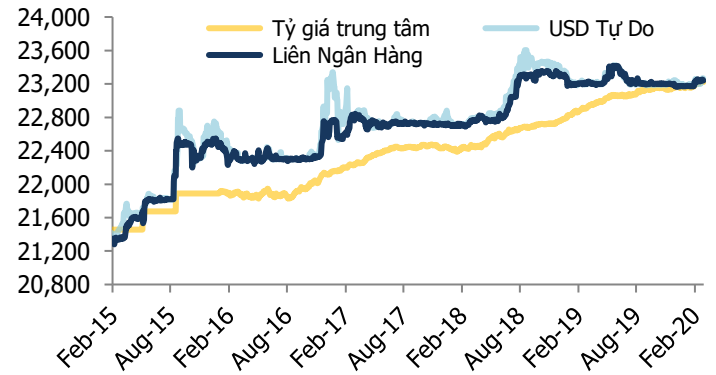
Hình 3. Lãi suất liên ngân hàng

	Qua đêm	1 Tuần	2 Tuần	1 Tháng
29/11	3,77	3,83	4,02	4,15
31/12	1,68	2,64	3,09	3,79
31/01	2,89	3,18	3,27	3,4
28/02	2	2,23	2,38	2,97

(%)

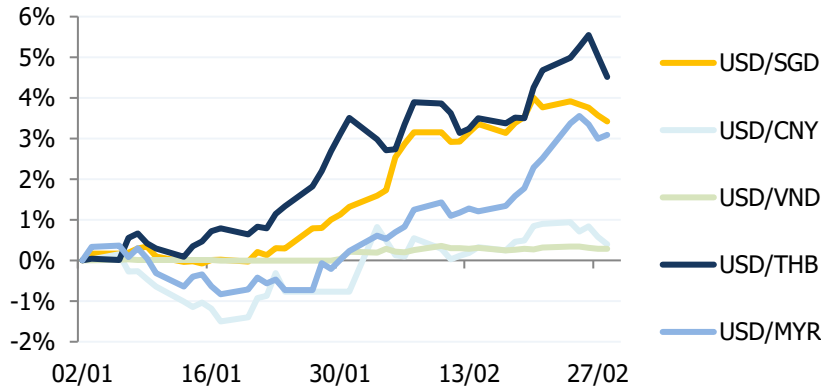
Nguồn: Bloomberg.

Hình 4. Tỷ giá USD/VND



Nguồn: NHNN, Bloomberg, MBS.

Hình 5. Tỷ giá một số đồng tiền trong khu vực tính từ đầu năm 2020



Nguồn: Bloomberg

Thị Trường Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

Trong tháng 2, có 19.000 tỷ đồng TPCP được chào bán và có 72% được huy động thành công. Lợi suất TPCP trúng thầu giảm ở hầu hết các kỳ hạn.

Trong tháng 2, có 13.734 tỷ đồng trái phiếu ở 5 kỳ hạn được phát hành thành công trên tổng số 19.000 tỷ đồng được chào thầu, tương đương 72%. Các kỳ hạn dài tiếp tục được ưa chuộng: trái phiếu kỳ hạn 10-30N chiếm 99% số trái phiếu được phát hành. KBNN đang tận dụng hoàn cảnh lợi suất TPCP thấp rất tốt để phát hành kỳ hạn dài hơn, kéo giãn được thời hạn trả nợ.

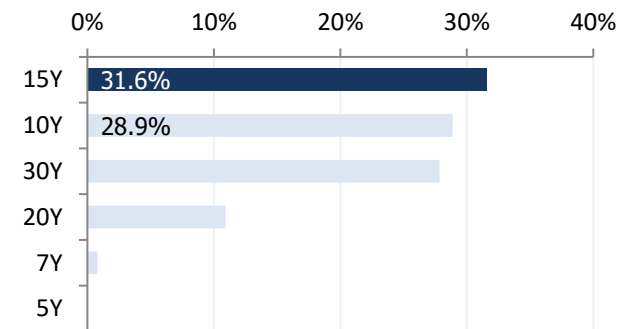
Trong một môi trường kinh tế vĩ mô rủi ro và nhu cầu đầu tư vào tài sản an toàn tăng cao, lợi suất TPCP sẽ tiếp tục giảm. Cụ thể, lợi suất trúng thầu kỳ hạn 10N và 15N trong kỳ lần lượt là 2,77%/năm và 2,85%/năm, giảm 11-12 điểm cơ bản so với cuối tháng 1. Trong khi đó, lợi suất kỳ hạn 30N giảm tới 25 điểm cơ bản về còn 3,55%/năm.

Hình 6. Kết quả đấu thầu TPCP T2/2020

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
5N	1.000	0	0%	
7N	1.000	110	11%	2,24%
10N	4.500	3.966	88%	2,77-2,91%
15N	4.500	4.334	96%	2,85-3,03%
20N	3.000	1.500	50%	3,09%
30N	5.000	3.824	76%	3,55-3,72%
Tổng	19.000	13.734	72%	Đơn vị: tỷ đồng

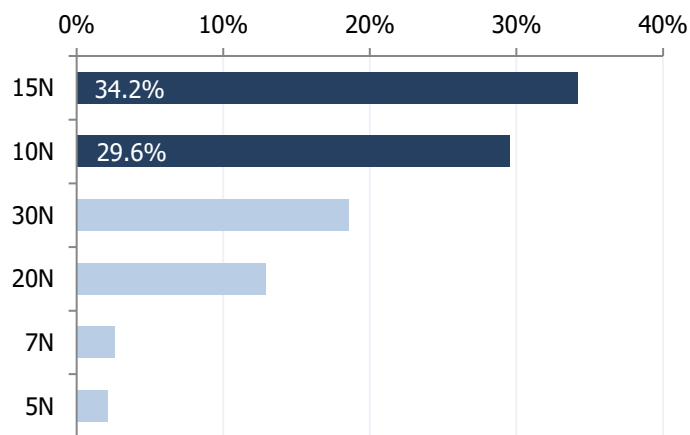
Nguồn: HNX.

Hình 7. Tỷ trọng TPCP phát hành T2/2020



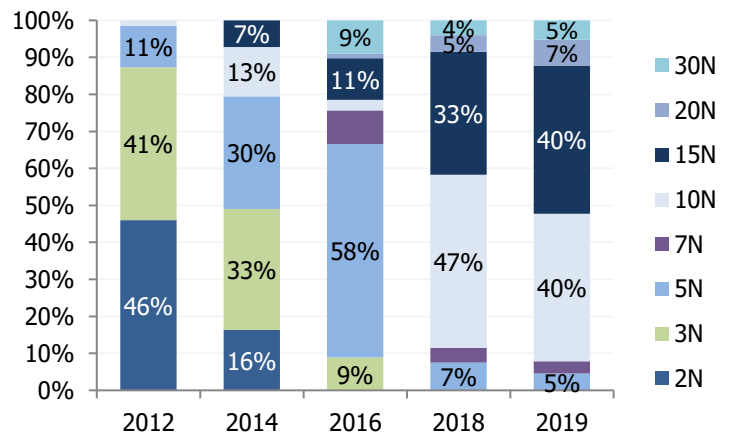
Nguồn: HNX.

Hình 8. Tỷ trọng TPCP trúng thầu từ đầu năm 2020



Nguồn: HNX.

Hình 9. Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX.

Hình 10. Tình hình phát hành TPCP năm 2020

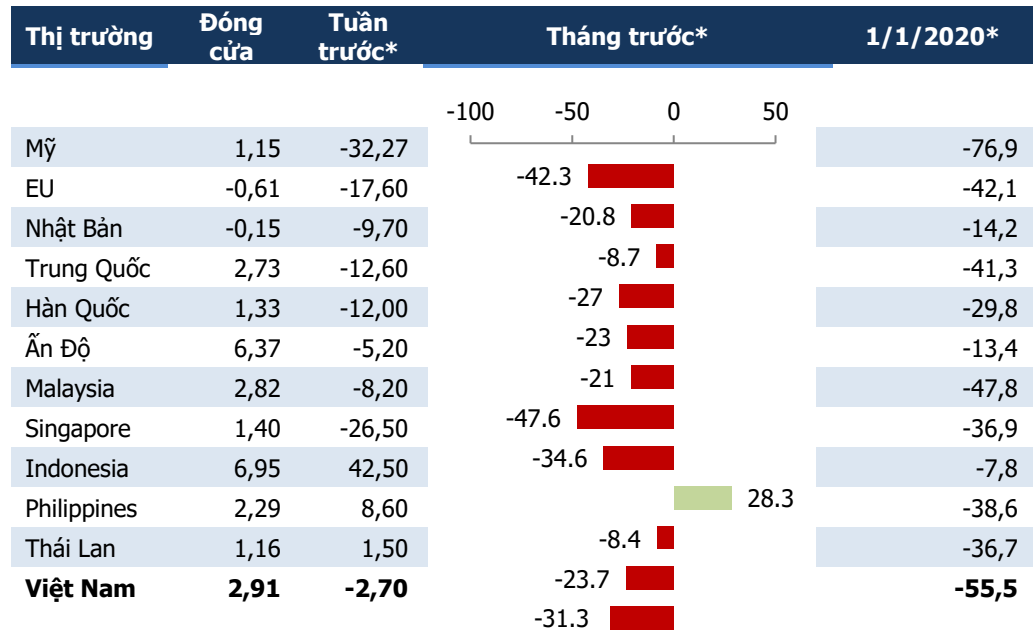
Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN Q1	KBNN phát hành Q1	% Kế hoạch KBNN Q1
5 Năm	5.000-6.000	500	8%-10%
7 Năm	4.000-5.000	610	12%-15%
10 Năm	14.000-17.000	6.879	40%-49%
15 Năm	15.000-18.000	7.947	44%-53%
20 Năm	7.000-8.000	3.000	38%-43%
30 Năm	5.000-6.000	4.324	72%-86%
Tổng	50.000-60.000	23.260	39%-47%

Nguồn: KBNN, HNX

Hình 11. Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 28/02/2020

*Số điểm cơ bản thay đổi so với hiện tại



Nguồn: Bloomberg.

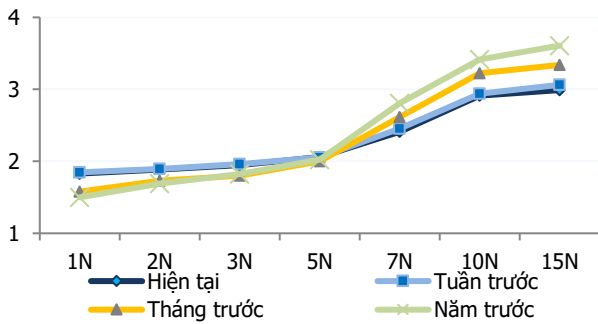
Thị trường thứ cấp

Nửa cuối tháng 2, lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn. Giao dịch TPCP thứ cấp đạt thanh khoản tốt khi giá trị giao dịch bình quân ngày trong tháng 2 vượt 10.300 tỷ đồng/ngày. Khối ngoại bán ròng tới 1.712 tỷ đồng TPCP.

Do tình hình kinh tế không gặp thuận lợi trong 2 tuần vừa qua, nhà đầu tư tìm đến TPCP làm nơi trú ẩn nên lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đều giảm ở các kỳ hạn. Lợi suất TPCP kỳ hạn 2N giảm 3 điểm cơ bản về 1,89%/năm. Lợi suất TPCP kỳ hạn 10N đạt 2,91%/năm, giảm 14 điểm cơ bản từ giữa tháng 2.

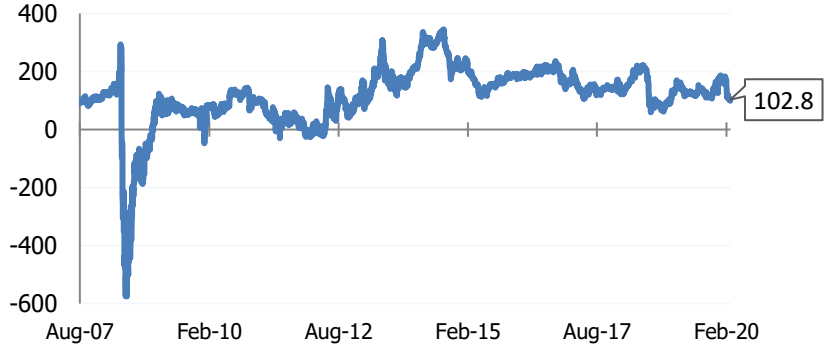
Thị trường TPCP thứ cấp hoạt động sôi nổi nhất trong 3 tháng gần đây, trung bình 10.341 tỷ đồng/ngày. Khối lượng giao dịch thông thường chiếm 61% tổng GTGD, tương đương mức 125,7 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch 6,2 nghìn tỷ đồng/ngày, cao nhất trong gần 2 năm gần đây. Giao dịch repo chiếm 39% thanh khoản thị trường, đạt 81,1 nghìn tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân ngày đạt 4,1 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 10% so với bình quân tháng 1. Khối ngoại tận dụng lợi suất TPCP thấp đã tiến hành chốt lời khá nhiều khi bán ròng tới 1.712 tỷ đồng TPCP. Tính từ đầu năm, NĐTNN đã bán ròng 980 tỷ đồng TPCP.

Hình 12. Lợi suất TPCP (%)



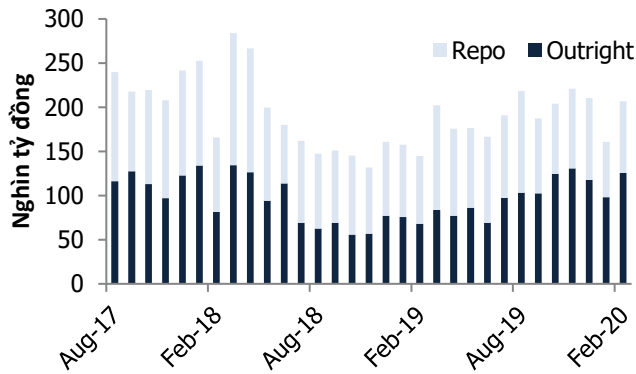
Nguồn: Bloomberg.

Hình 13. Chênh lệch lợi suất TPCP VN 2N và 10N (bps)



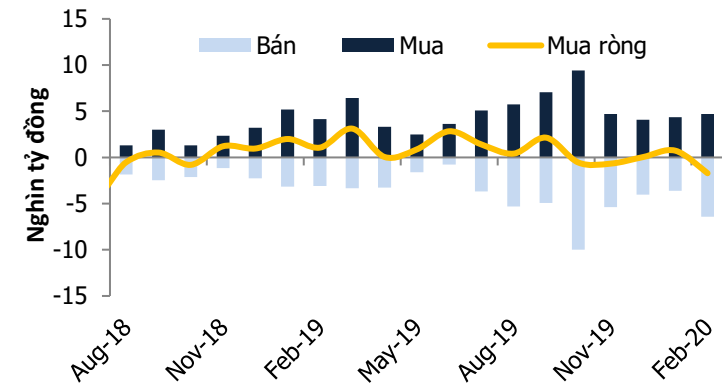
Nguồn: Bloomberg.

Hình 14. GTGD Outright và Repo trên thị trường thứ cấp



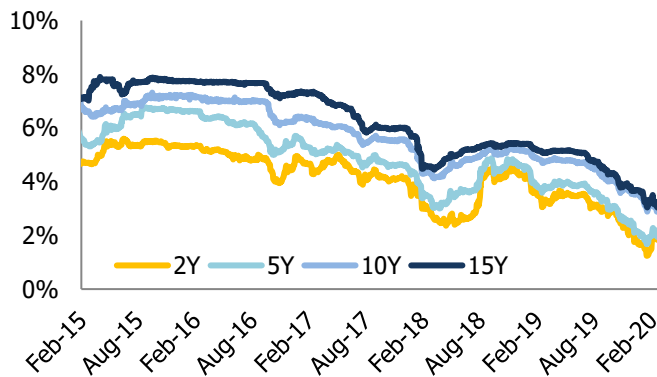
Nguồn: HNX.

Hình 15. Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



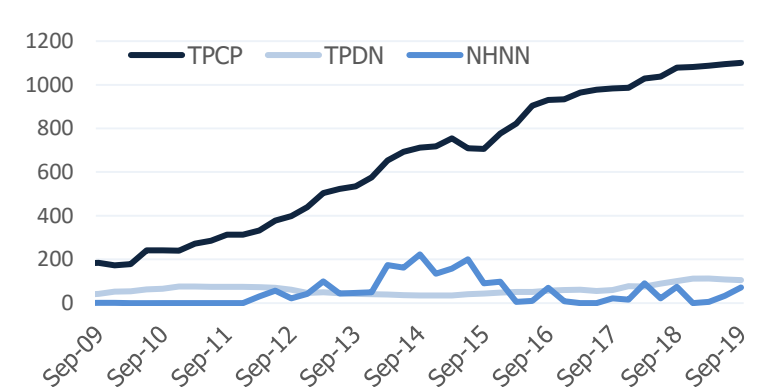
Nguồn: HNX.

Hình 16. Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Nguồn: Bloomberg.

Hình 17. Dự nợ thị trường trái phiếu Việt Nam (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: ADB.

Thị Trường Trái Phiếu Doanh Nghiệp

Một số TPDN được phát hành trong thời gian gần đây: Sunshine Marina Nha Trang huy động thành công 500 tỷ đồng kỳ hạn 1 năm, trả lãi 3 tháng/lần, lãi suất cố định 11,5%/năm; Hưng Thịnh Incons phát hành 300 tỷ đồng kỳ hạn 18 tháng, trả lãi hàng quý, 4 kỳ đầu 11%/năm, các kỳ sau thả nổi ở mức LSTC + 4,1%/năm; Tân Hoàn Cầu Bến Tre phát hành 430 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 12 năm, trả lãi hàng quý, 4 kỳ đầu 10%/năm, các kỳ sau thả nổi ở mức LSTC + 3,4%/năm; TNR phát hành 1942,9 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 5 năm, trả lãi 6 tháng/lần, lãi suất cố định 11%/năm.

Hình 18. Một số doanh nghiệp phát hành trái phiếu trong thời gian gần đây

Tổ chức phát hành	Ngày phát hành/ Công bố TT	Kỳ hạn	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất coupon (năm)	Loại coupon	Kỳ hạn trả lãi	Ghi chú
Ngân Hàng							
ACB	27/12/2019- 07/01/2020	10 Năm	230	8,5%	Cố định	12 tháng/lần	
Bắc Á Bank	24-30/12/2019	2-5N	1.450	6,6-7,2%	Cố định	12 tháng/lần	Kỳ hạn 2 năm: 450 tỷ đồng; Kỳ hạn 3 năm: 500 tỷ đồng; Kỳ hạn 5 năm: 500 tỷ đồng
MSB	25/12/2019	3 Năm	400	7,0%	Cố định	12 tháng/lần	
TPB	26/12/2019- 16/01/2020	7-10N	671,5	9,5-9,6%	Kỳ đầu: 9,5-9,6%. Kỳ sau: LSTC + 2,6-2,7%	12 tháng/lần	Kỳ hạn 7 năm: 637,5 tỷ đồng; Kỳ hạn 10 năm: 34 tỷ đồng
Seabank	24/12/2019	10 Năm	250	9,8%	Kỳ đầu: 9,8%. Kỳ sau: LSTC + 3%	12 tháng/lần	
HDB	27/12/2019	5 Năm	1,5	8,5%	Cố định	12 tháng/lần	
BDS, XD, Hạ Tầng							
HPX	28/11/2019	18 tháng	166	11,0%	Cố định	6 tháng/lần	
Công trình Giao Thông Đồng Nai	18/12/2019	2 Năm	200	11,5%	Kỳ đầu: 11,5%. Kỳ sau: LSTC + 4,5%	3 tháng/lần	
CC1	22/11/2019- 14/02/2020	3 Năm	300	11,5%	Kỳ đầu: 11,5%. Kỳ sau: LSTC + 4,4%	3 tháng/lần	
Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Giao Thông	14/02/2020	3 Năm	100	10%	2 kỳ đầu: 10%. Kỳ sau: LSTC + 2,65%	3 tháng/lần	
Hưng Thịnh Incons	10/02/2020	18 tháng	300	11%	4 kỳ đầu: 11%. Kỳ sau: LSTC + 4,1%	3 tháng/lần	
Sunrise Marina Nha Trang	10-12/02/2020	1 năm	500	11,5%	Cố định	3 tháng/lần	
BDS Wonderland	07/02/2020	2 Năm	500	11,0%	4 kỳ đầu: 11%/năm. Kỳ sau: LSTC + 4,1%	3 tháng/lần	
BCG Land	21/01/2020	5 Năm	350	11,0%	Kỳ đầu: 11%. Kỳ sau: LSTC + 4%	12 tháng/lần	
Vịnh Thiên Đường	06/02/2020	1 Năm	166	11,0%	Cố định	1 tháng/lần	
Kinh doanh & Đầu tư Bình Dương	01/10-31/12/2019	2-5 Năm	439	10,32-11%	Cố định: 10,32%/4 kỳ đầu: 11%/năm. Kỳ sau: LSTC + 4%	3 tháng/lần	Kỳ hạn 2 năm, LS thả nổi: 150 tỷ đồng. Kỳ hạn 5 năm, LS cố định 289 tỷ đồng
Hưng Phú	13/12/2019- 03/01/2020	4 Năm	400	12,0%	Cố định	12 tháng/lần	
BDS Hà An	23/10/2019- 20/01/2020	18-36 tháng	2.448	11,5%	Kỳ đầu: 11,5%. Kỳ sau: LSTC + 4,15%	3 tháng/lần	
Phú Thượng	14-17/01/2020	1 Năm	700	11,5%	Cố định	3 tháng/lần	
Du lịch Cù Lao Chàm	10/01/2020	3 Năm	125	10,0%	Kỳ đầu: 10%. Kỳ sau: LSTC + 3%	3 tháng/lần	
APEC Land Huế	15/01/2020	2 Năm	18,4	12,0%	Cố định	24 tháng/lần	

Tổ chức phát hành	Ngày phát hành/ Công bố TT	Kỳ hạn	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất coupon (năm)	Loại coupon	Kỳ hạn trả lãi	Ghi chú
Địa Ốc Phú Long	31/12/2019	3 Năm	100	11,0%	Cố định	12 tháng/lần	
City Garden	03/01/2020	18-30 Tháng	1.598	11,5%	Kỳ đầu: 11,5%. Kỳ sau: LSTC + 4,35%	3 tháng/lần	
CII	02/01/2020	2 Năm	250	11,0%	Kỳ đầu: 11%. Kỳ sau: LSTC + 3,85%	3-6 tháng/lần	LSTC điều chỉnh 3 tháng/lần
Địa Ốc Xanh	31/12/2019	1 Năm	3.450	10,0%	Kỳ đầu: 10%. Kỳ sau: LSTC + 2,55%	3 tháng/lần	
BDS An Khang	31/12/2019	1 Năm	450	11,5%	Kỳ đầu: 11,5%. Kỳ sau: LSTC + 4,15%	6 tháng/lần	LSTC điều chỉnh 3 tháng/lần
Vietracimex	06/01/2019	5 Năm	250	10,0%	4 kỳ đầu: 10%/năm. Kỳ sau: Thả nổi	3 tháng/lần	
SCR	22/11-13/12/2019	3 Năm	80	11,5%	Kỳ đầu: 11,5%. Kỳ sau: LSTC + 4,15- 4,35%	3 tháng/lần	
Golf Thiên Đường	02/01/2020	10 Năm	2.681	11,5%	Kỳ đầu: 11,5%. Kỳ sau: LSTC + 3%	12 tháng/lần	
Cáp treo Fansipan	24/12/2019	9 Năm	1.244	10,0%	4 kỳ đầu: 10%/năm. Kỳ sau: LSTC + 3,5%	3 tháng/lần	
BDS Khu Đông	24/12/2019	36-42 Tháng	642	10,35-10,4%	4 kỳ đầu: 10,4%/năm. Kỳ sau: LSTC + 3%	6 tháng/lần	
TNR Holdings	03/10/2019- 13/02/2020	3 5 Năm	4823,8	10,9%	Cố định	12 tháng/lần	
BDS Thái Bình	26/12/2019	4 Năm	500	12,5%	Kỳ đầu: 12,5%. Kỳ sau: LSTC + 5%	3 tháng/lần	
DPG	27/12/2019	2 Năm	30,9	11,50%	Cố định	6 tháng/lần	
Hải Dương Giang Biển	28/12/2019	1-3N	3.600	8,423-10,38%	Kỳ đầu: 8,423- 10,38%. Kỳ sau: LSTC + 0,923-2,35%	3-9 tháng/lần	LSTC điều chỉnh 1-3 tháng/lần
Đầu tư phát triển Gia Cư	27/12/2019	2 Năm	700	13,33%	Cố định	6 tháng/lần	
Chứng khoán							
TCBS	17/12/2019- 17/02/2020	2 Năm	18,66	8,2%	Kỳ đầu: 8,2%. Kỳ sau: LSTC + 1,3%	6 tháng/lần	
MBS	11/12/2019	3 Năm	240	8,51%	Kỳ đầu: 10,5%. Kỳ sau: LSTC + 3,7%	12 tháng/lần	
ABS	1/10-31/12/2019	1 Năm	4,42	9,50%	Cố định	12 tháng/lần	
VDSC	1/10-28/12/2019	1 Năm	298,49	9-9,5%	Cố định	12 tháng/lần	
Khác							
Kinh doanh F88	12/16/2019- 2/19/2020	1 năm	43,19	12,50%	Cố định	3 tháng/ lần	
Tân Hoàn Cầu Bến Tre	18/02/2020	12 năm	430	10%	4 kỳ đầu: 10%. Kỳ sau: LSTC + 3,4%	3 tháng/ lần	
Cáp treo Bà Nà	31/01/2020	8 Năm	100	9,80%	4 kỳ đầu: 9,8%. Kỳ sau: LSTC + 2,9%	3 tháng/lần	
Con Cứng	17/01/2020	1 Năm	41	8%	Cố định	12 tháng/lần	
PTB	16/01/2020	5 Năm	46	9%	4 kỳ đầu: 9%. Kỳ sau: LSTC + 2,7%	3 tháng/lần	
Thaco	18/01/2020	5 Năm	2.000	9,80%	2 kỳ đầu: 9,8%. Kỳ sau: LSTC + 3,2%	6 tháng/lần	
DBC	20/01/2020	3 Năm	300	10,10%	Kỳ đầu: 10,1%. Kỳ sau: LSTC + 3,3%	3 tháng/lần	
Vinfast	18/12/2019- 17/01/2020	3 Năm	5.605	10,00%	4 kỳ đầu: 10%. Kỳ sau: LSTC + 4%	3 tháng/lần	Vingroup bảo lãnh thanh toán, TPCH có quyền mua lại
GEX	31/12/2019	10 Năm	1.150	6,95%	Cố định	6 tháng/lần	
Sovico	13/01-11/02/2020	3 Năm	1.700	11%	Cố định	6 tháng/lần	TCPH được quyền mua lại sau 12 tháng

Tổ chức phát hành	Ngày phát hành/ Công bố TT	Kỳ hạn	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất coupon (năm)	Loại coupon	Kỳ hạn trả lãi	Ghi chú
Nước Thủ Đức	03/01/2020	3 Năm	70	8,50%	Cố định	3 tháng/lần	
Năng lượng Bắc Phước	30/12/2019	14 Năm	364,8	9,80%	4 kỳ đầu: 9,8%. Kỳ sau: LSTC + 3,3%	3 tháng/lần	
Năng lượng Hòa Thăng	31/12/2019	14 Năm	220	10,00%	4 kỳ đầu: 10%. Kỳ sau: LSTC + 3,3%	3 tháng/lần	
Vật tư Nông sản	31/12/2019	16 Tháng	100	10,50%	Kỳ đầu: 10,5%. Kỳ sau: LSTC + 3,7%	6 tháng/lần	
VSH	08/11-27/12/2019	7 Năm	200	10,50%	4 kỳ đầu: 10,5%. Kỳ sau: LSTC + 3,6%	3 tháng/lần	
Nhựa Tân Phú	31/12/2019	3 Năm	60	10,30%	Kỳ đầu: 10,3%. Kỳ sau: LSTC + 3,3%	6 tháng/lần	
XNK Thanh Lễ	27/12/2019	4 Năm	200	11,00%	Kỳ đầu: 11%. Kỳ sau: LSTC + 3,8%	6 tháng/lần	
An Phát Holdings	26/12/2019	30 Tháng	190	8,00%	Cố định	30 tháng/lần	
Năng lượng Hồng Phong 1	24/12/2019	2-15 Năm	2.150	6,4-7,5%	Cố định	6 tháng/lần	

Nguồn: HNX, MBS.

SẢN PHẨM

Sản phẩm này được phát hành một tháng hai lần, tập trung vào các vấn đề của thị trường trái phiếu Việt Nam. Trong báo cáo này, chúng tôi gắn kết các thông tin kinh tế vĩ mô và sự thay đổi của thị trường tiền tệ với thị trường trái phiếu. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. TT Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

MBS HỢI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3726 2600 - Fax: +84 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.